BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT

	2011	2012	2013	2014	2015
Năng lực sản xuất (tấn/năm)	26,000	37,000	37,000	37,000	40,200
Số ngày máy hoạt động thực tế	299,30	288,35	328,50	345,74	313,04
Năng suất khai thác (%)	82%	79%	90%	94%	85,77%
Sản lượng sản xuất thực tế (tấn)	17,833	23,080	30,375	32,442	34,783
Sản lượng bán ra (tấn)	16.900	22.930	31.525	33.053	26.885

- Từ giữa cuối năm 2015, nhu cầu thị trường sợi toàn cầu sụt giảm mạnh dẫn đến sản lượng bán ra chỉ đạt **26.885 tấn**, trong khi đó sản lượng sản xuất của công ty tăng lên do đã đưa vào vận hành chính thức nhà máy Trảng Bàng – giai đoạn 3. Điều này đã dẫn đến lượng hàng tồn kho của Công ty tăng mạnh khoảng **7.658** tấn (tương đương với 02 tháng tồn kho bình quân).
- Công ty cũng đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là **2 tỷ VNĐ** cho khoản mục này (vui lòng xem thêm thuyết minh hàng tồn kho trong BCTC đã kiểm toán)

TÌNH HÌNH KINH DOANH

1. Hiệu quả kinh doanh

Doanh thu thuần

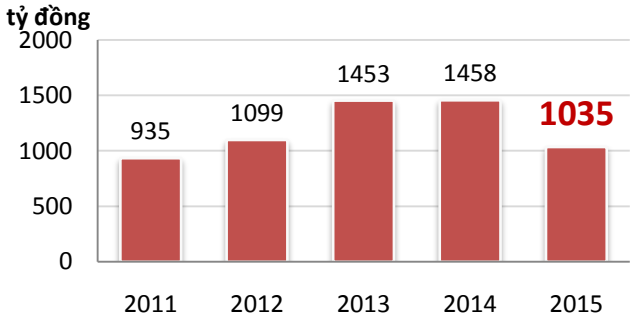

Năm tài chính 2015

Doanh thu thuần	**Giảm 29% so với cùng kỳ**

LNST, Biên LN ròng

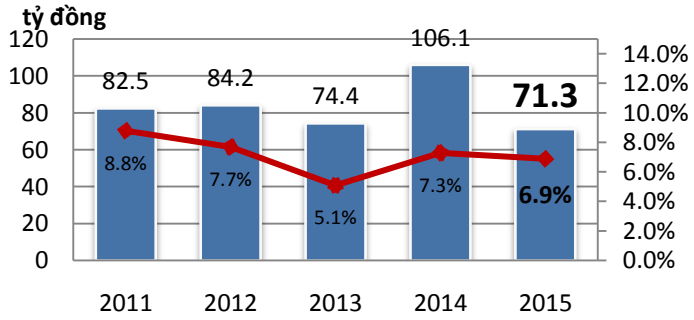

Năm tài chính 2015

Lợi nhuận sau thuế	**Giảm 33% so với cùng kỳ**
Biên LN ròng	**6.9%**

LN gộp, Biên LN gộp

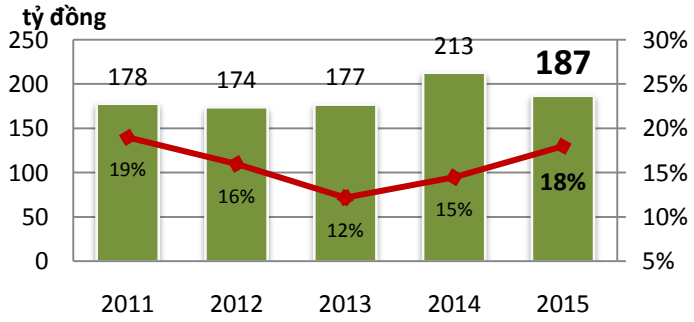

Năm tài chính 2015

Lợi nhuận gộp	**Giảm 12,2% so với cùng kỳ**
Biên LN gộp	**18%**

EBITDA, Hệ số biên EBITDA

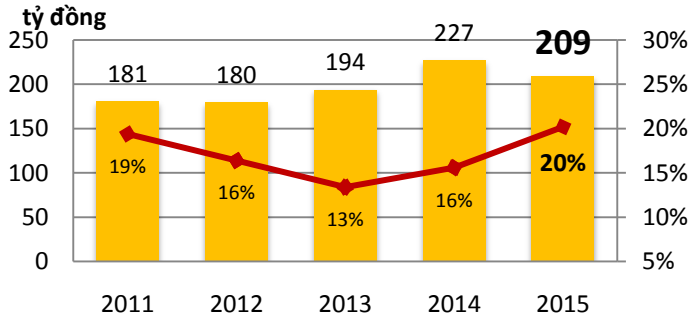

Năm tài chính 2015	
EBITDA	Giảm 8,3% so với cùng kỳ
Hệ số biên EBITDA	20%

Lãi cơ bản trên mỗi CP

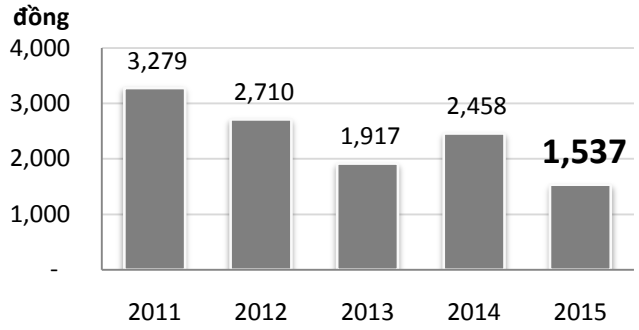

Năm tài chính 2015	
Lãi cơ bản trên mỗi CP	Giảm 37% so với cùng kỳ

- ✓ Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu năm 2015 giảm tương ứng **27%** đến từ sự giảm sút của KQHĐKD và **10%** đến từ việc phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Hệ số ROA, ROE

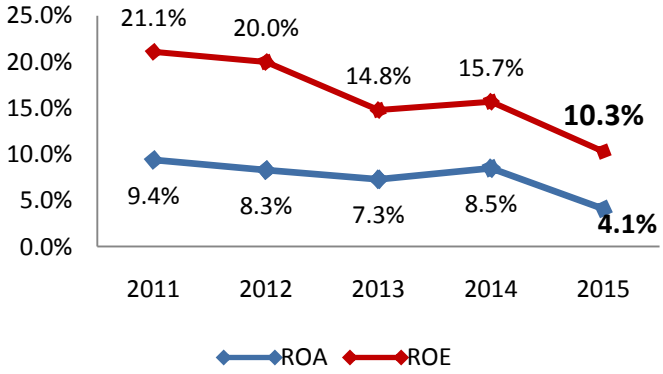

Năm tài chính 2015	
Hệ số ROA	4,1%
Hệ số ROE	10,3%

2. Phân tích DuPont

STT	Khoản mục	2011	2012	2013	2014	2015	Ghi chú
1	LNST/LNTT	77,4%	87,0%	78,1%	78,0%	82,3%	Gánh nặng thuế
2	LNTT/LNBR	83%	86%	87%	93%	69%	Tác động thu nhập từ lãi
3	LNBR/DT	13,7%	10,2%	7,5%	10%	12%	Tỉ suất lợi nhuận biên ròng
4	Tỷ suất lợi nhuận ròng [(1)x(2)x(3)]	8,8%	7,7%	5,1%	7,3%	6,9%	
5	DT/ Tổng TS	1,07	1,08	1,42	1,17	0,60	Hiệu suất sử dụng tài sản
6	ROA [(4)x(5)]	9,4%	8,3%	7,3%	8,5%	4,1%	Khả năng sinh lời trên tổng TS
7	Tổng TS/ Tổng VCSH	2,24	2,17	2,04	1,84	2,49	Đòn bẩy tài chính
8	ROE [(6)X(7)]	21,1%	19,9%	14,8%	15,7%	10,3%	Khả năng sinh lời trên VCSH

- ✓ Trong năm 2015, do Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi từ dự án mở rộng nhà máy Trảng Bàng cho nên gánh nặng thuế giảm xuống so với năm 2014.
- ✓ Do chi phí tài chính tăng lên nên hệ số LNTT/LNBR giảm từ 93% (2014) xuống còn 69% (2015).
- ✓ Mặc dù tỷ suất lợi nhuận biên ròng (LNBR/Doanh thu) được cải thiện từ 10% (2014) lên 12% (2015), nhưng do tác động của chi phí tài chính làm cho tỷ suất lợi nhuận ròng năm 2015 chỉ đạt 6,9%, giảm 0,4% so với năm 2014.
- ✓ Khả năng sinh lời trên tổng tài sản (ROA) năm 2015 chỉ đạt 4.1%, giảm mạnh 52% so với năm 2014 là do hiệu suất sử dụng tài sản không hiệu quả bằng cùng kỳ năm trước cũng như do tỷ suất lợi nhuận ròng suy giảm.
- ✓ Khả năng sinh lời trên VCSH đạt 10,3%, giảm 34% so với năm 2014 là do hệ số ROA giảm mạnh. Tuy nhiên, việc Công ty sử dụng hệ số đòn bẩy tài chính cao hơn góp phần làm hệ số ROE có mức giảm ít hơn hệ số ROA.

3. Hiệu suất sử dụng tài sản

	2011	2012	2013	2014	2015
Số ngày hàng tồn kho bình quân	52	67	58	57	116
Số ngày phải thu bình quân	14	20	22	18	13
Số ngày phải trả bình quân	74	78	56	51	69
Vòng quay tiền mặt	-8	9	24	24	60

- ✓ Do thị trường may mặc nửa 06 tháng cuối năm không thuận lợi, dẫn đến hàng tồn kho tăng mạnh trong năm 2015. Số ngày hàng tồn kho bình quân tăng mạnh lên 116 ngày (năm 2015) so với chỉ 57 ngày (năm 2014).
- ✓ Số ngày phải thu bình quân năm 2015 là 13 ngày, giảm 05 ngày từ mức 18 ngày năm 2014. Nguyên nhân là do Công ty đẩy mạnh việc thu hồi công nợ sớm. Thêm vào đó, số ngày phải trả bình quân tăng thêm 18 ngày là do Công ty thương lượng trả chậm cho người bán do tình hình kinh doanh không thuận lợi.
- ✓ Vòng quay tiền mặt của Công ty tăng mạnh từ 24 ngày (năm 2014) lên 60 ngày (năm 2015) thể hiện sự luân chuyển chưa hiệu quả trong việc tối ưu nhu cầu sử dụng vốn lưu động.

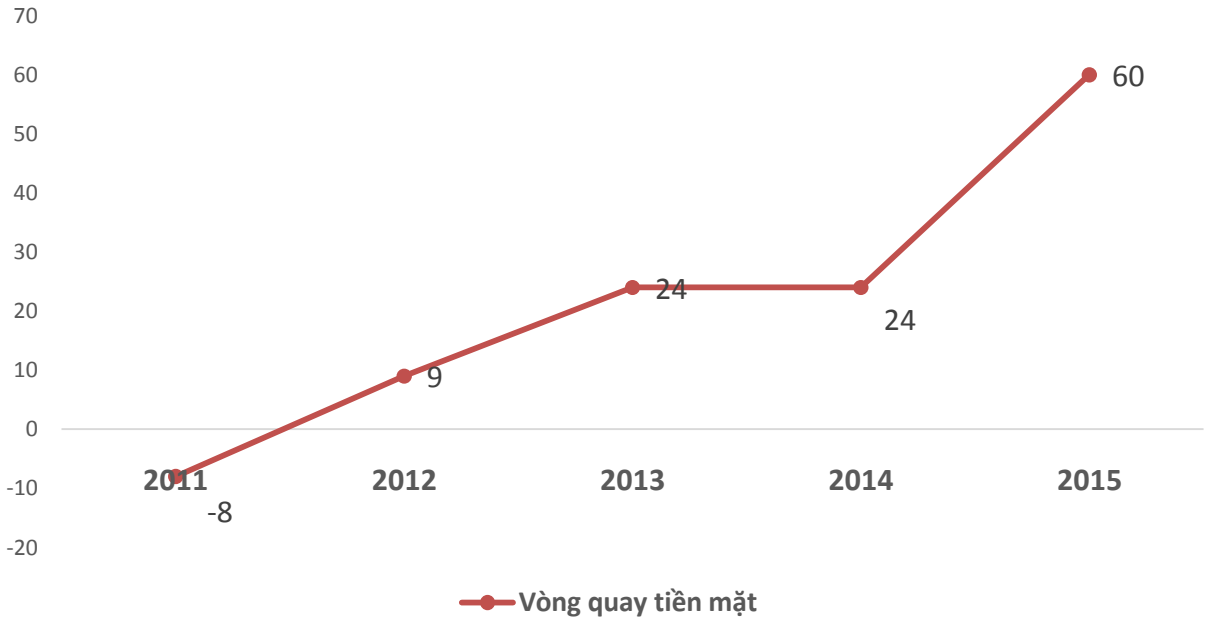

4. Khả năng sinh tiền

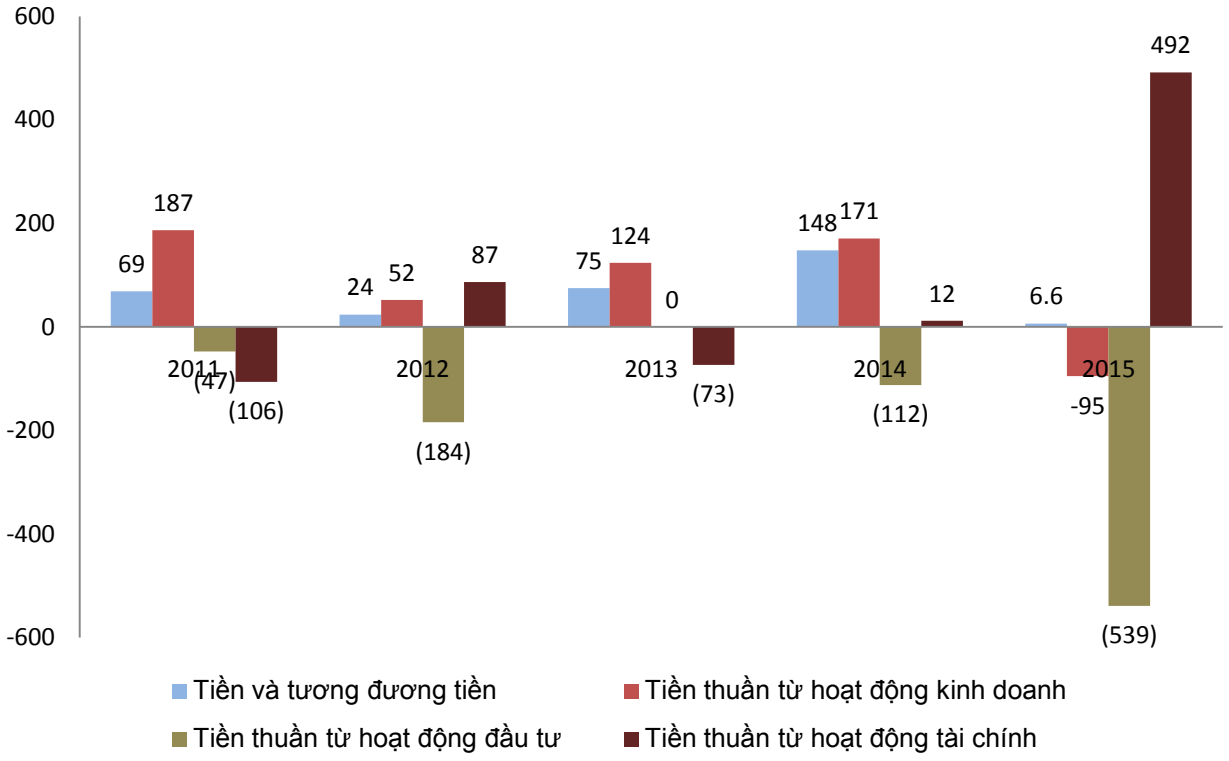

ĐVT: tỷ VNĐ

- ✓ Do doanh thu thuần giảm 29% và hàng tồn kho tăng mạnh nên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh đã giảm từ 171 tỷ VNĐ (2014) xuống âm 95 tỷ VNĐ (2015).
- ✓ Dòng tiền từ hoạt động đầu tư âm 539 tỷ, tăng mạnh 381% so với năm 2014 là do Công ty có đầu tư xây dựng nhà xưởng, máy móc thiết bị cho dự án nhà máy Trảng Bàng mở rộng – giai đoạn 3 và góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Sợi Dệt Nhuộm Unitex..
- ✓ Do đó, tiền và tương đương tiền năm 2015 của Công ty chỉ còn lại 6,6 tỷ đồng giảm mạnh so với 148 tỷ đồng năm 2014

	2011	2012	2013	2014	2015
Tỉ số thanh toán hiện hành	0,94	1,21	1,33	2,25	1,16
Tỉ số thanh toán nhanh	0,48	0,45	0,64	1,36	0,28

5. Phân tích các biến động lớn trên bảng KQHĐKD

	2011	2012	2013	2014	2015
Doanh thu thuần	100%	100%	100%	100%	100%
Giá vốn hàng bán	81%	84%	87,6%	85,4%	82%
Lợi nhuận gộp	19%	16%	12,4%	14,6%	18%
Doanh thu hoạt động tài chính (không bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng)	0,3%	0,3%	0,4%	0,2%	1,3%
Chi phí tài chính (không bao gồm lãi vay)	3,1%	0,1%	0.5%	0,4%	5,1%
Chi phí bán hàng	2,1%	2,5%	2,3%	2,2%	2,3%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,2%	3,1%	2,3%	2,4%	3,7%
Thu nhập khác	0,0%	0,0%	0,0%	0,1%	0,1%
Lợi nhuận trước thuế và lãi (EBIT)	13,7%	10,2%	7,5%	10%	12%
Chi phí lãi vay	1,9%	1,5%	1%	0,5%	0,5%
Lợi nhuận trước thuế	11,4%	8,8%	6,5%	9,3%	8,4%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,6%	1,1%	1,4%	2,0%	1,5%
Lợi nhuận sau thuế	8,8%	7,7%	5,1%	7,3%	6,9%

- ✓ Chi phí tài chính/Doanh thu năm 2015 chiếm tỷ trọng 5,1% tăng mạnh so với tỷ trọng năm 2014 (chỉ 0,4%) là do Công ty phải trích lập thêm dự phòng lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ.
- ✓ Chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu năm 2015 chiếm tỷ trọng 3,7%, tăng so với năm 2014 (chỉ 2,4%) là do chi phí lương tăng 10% và Công ty phải thuê luật sư để bảo vệ

quyền lợi Công ty trong vụ kiện chống bán phá giá ở thị trường Thổ Nhĩ Kỳ trong khi doanh thu bán hàng không bằng so với cùng kỳ.

6. Khả năng trả nợ

	2011	2012	2013	2014	2015
Hệ số vốn vay trên vốn chủ sở hữu	0,59	0,67	0,57	0,35	1,18
Hệ số thanh toán lãi vay	7,08	6,25	7,89	19,23	24,39

- ✓ Hệ số Vốn Vay trên Vốn Chủ Sở Hữu tăng mạnh từ 0,35 lần (2014) lên mức 1,18 lần (2015) do công ty phát sinh khoản vay dài hạn cho dự án nhà máy mở rộng Trảng Bàng – giai đoạn 3.
- ✓ Hệ số khả năng thanh toán lãi vay (Lợi nhuận trước lãi và thuế/chi phí lãi vay (EBIT/interest expense))tăng từ 19,23 lần (2014) lên24,39 lần (2015) do lãi suất vay giảm nhẹ và Công ty tích cực trả bớt nợ gốc trước thời hạn mặc dù KQHĐKD không bằng so với cùng kỳ.

7. Phân tích cấu trúc tài sản

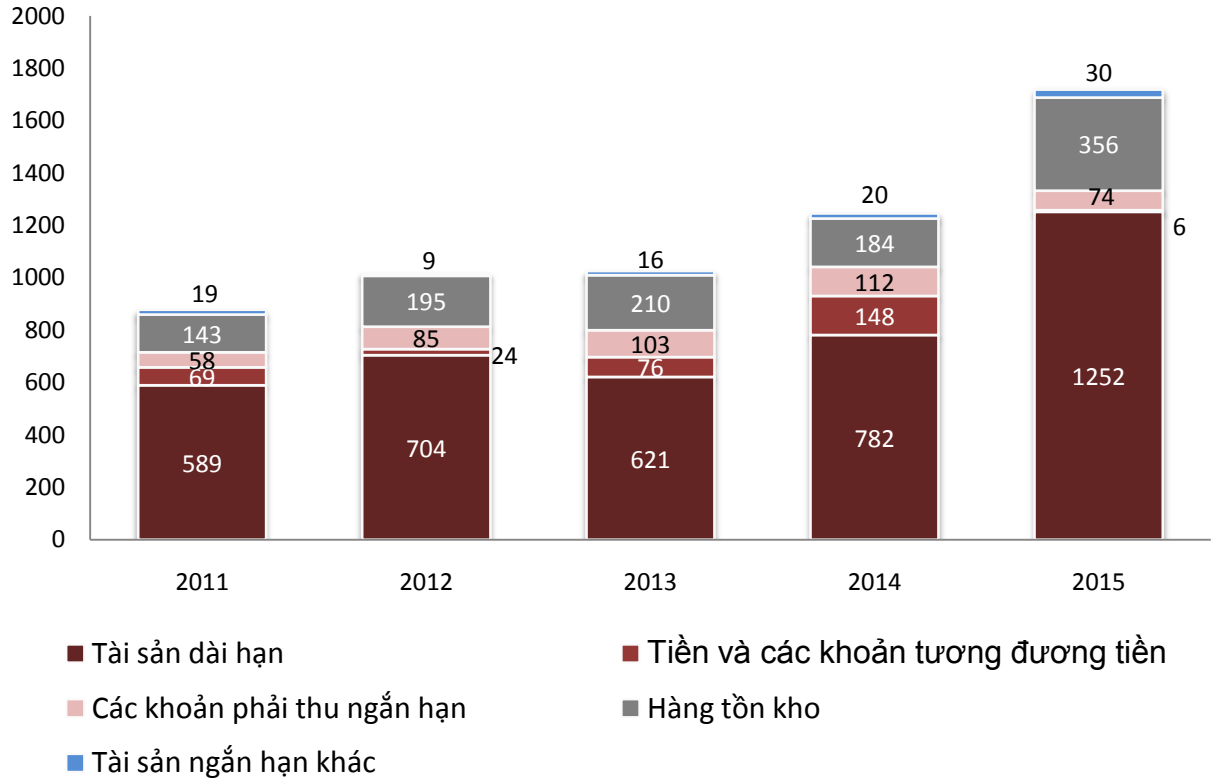

ĐVT: tỷ VNĐ

- ✓ Trong năm 2015 do phát sinh khoản đầu tư vào nhà máy mở rộng Trảng Bàng – giai đoạn 3 cho nên quy mô tổng tài sản tăng mạnh 38% lên 1.719 tỷ VNĐ so với 1.245 tỷ VNĐ (năm 2014). Tuy nhiên qui mô tài sản bằng tiền cũng như tỷ trọng tài sản bằng tiền trên tổng tài sản đã giảm mạnh từ 11,9% (2014) xuống 0,4% (2015). Thêm vào đó, do nhu cầu sợi sụt giảm mạnh cho nên tỷ trọng hàng tồn kho trên tổng tài sản cũng tăng mạnh từ 14,7% (2014) lên 20,7% (2015)
- ✓ Do chi phí xây dựng dở dang của nhà máy Trảng Bàng 3 tăng nên qui mô tài sản dài hạn đã tăng 60% lên 1252 tỷ VNĐ và dẫn đến tỷ trọng tài sản dài hạn trên tổng tài sản tăng từ 63% (2014) lên 73% (2015).

	2011	2012	2013	2014	2015
TÀI SẢN NGẮN HẠN					
Tiền và các khoản tương đương tiền	7,9%	2,4%	7,4%	11,9%	0,4%
Các khoản đầu tư ngắn hạn	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Các khoản phải thu ngắn hạn	6,6%	8,3%	9,9%	9,0%	4,3%
Hàng tồn kho	16,4%	19,1%	20,5%	14,7%	20,7%
Tài sản ngắn hạn khác	2,1%	0,9%	1,6%	1,6%	1,7%
TỔNG TÀI SẢN NGẮN HẠN	**33,0%**	**30,7%**	**39,4%**	**37,2%**	**27,1%**
TÀI SẢN DÀI HẠN					
Các khoản phải thu dài hạn	0,1%	0,1%	0,1%	0,0%	0,0%
Tài sản cố định	61,4%	64,9%	56,3%	59,8%	68,2%
Bất động sản đầu tư	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	2,3%
Tài sản dài hạn khác	5,5%	4,3%	4,2%	3,0%	2,4%
Giá trị còn lại của lợi thế thương mại	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
TỔNG TÀI SẢN DÀI HẠN	**67,0%**	**69,3%**	**60,6%**	**62,8%**	**72,9%**
TỔNG TÀI SẢN	**100%**	**100%**	**100%**	**100%**	**100%**

8. Phân tích cấu trúc nguồn vốn

- ✓ Trong năm 2015, do quy mô tổng tài sản tăng mạnh cho nên tỷ trọng vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản giảm 14% xuống còn 40%.
- ✓ Tổng nợ phải trả cũng tăng mạnh từ mức 46% (năm 2014) lên 60% (năm 2015) do Công ty phát sinh khoản vay dài hạn để đầu tư vào dự án nhà máy Trảng Bàng mở rộng – giai đoạn 3.

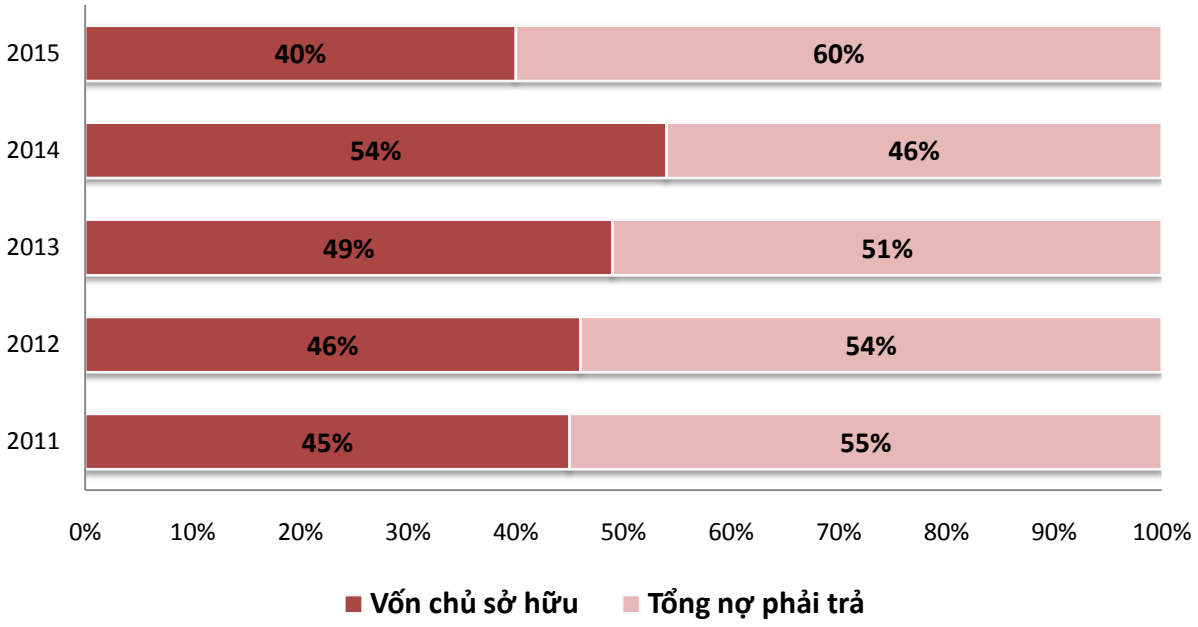

9. Phân tích ảnh hưởng từ biến động của tỷ giá hối đoái

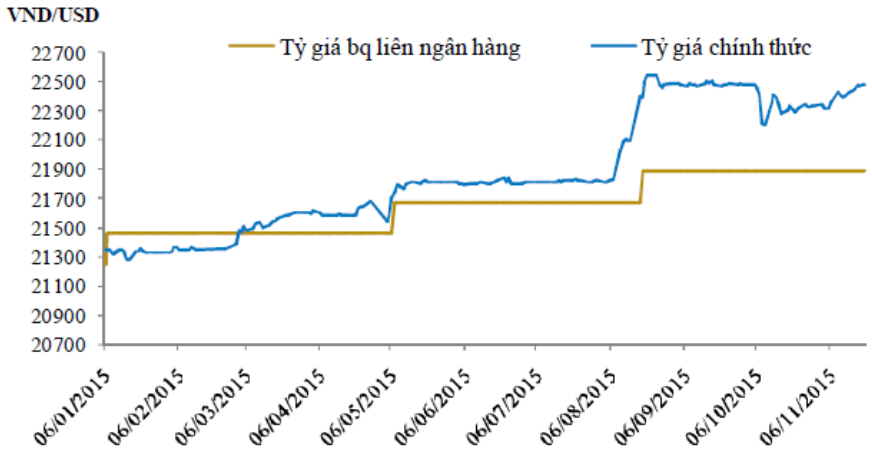

Nguồn: Bloomberg

- Trong năm 2015, Ngân hàng nhà nước đã thực hiện 3 lần điều chỉnh tỷ giá, khiến cho VNĐ mất giá khoảng 5,3% so với USD. Việc điều chỉnh tỷ giá mạnh như trên đã gây ảnh hưởng mạnh tới hiệu quả hoạt động kinh doanh của STK do Công ty phải trích lập dự phòng chênh lệch tỷ giá cho các khoản vay có gốc ngoại tê của Công ty.

Cơ cấu các khoản vay STK

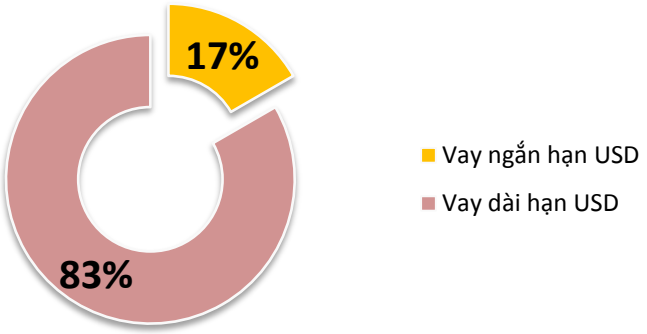

	Thay đổi tỷ giá	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (tỷ VNĐ)
Năm nay		
USD	*+5,3%*	**-34,7([2])**
Năm trước		
USD	*+2%*	**-3,5**

	Năm 2015 (tỷ VNĐ)	Năm 2014 (tỷ VNĐ)	So sánh 2015 với 2014(%)
Doanh thu tài chính	**13,8**	**2,1**	*557%*
- *Lãi tiền gửi*	**0,7**	**0,7**	*0%*
- *Lãi chênh lệch tỷ giá*	**13,1**	**1,4**	*836%*
Chi phí tài chính	**52,9**	**12,5**	*323%*
- *Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay có gốc*	**30,8**	**3,1**	*894%*

[2] Sau khi đã bù trừ doanh thu và chi phí tài chính của biến động tỷ giá

	ngoại tệ		
-	*Lỗ chênh lệch tỷ giá*	**17**	**1,8**	*844%*
-	*Chi phí lãi vay*	**5,1**	**7,6**	*-33%*

10. Kế hoạch đầu tư

Công suất (tấn)	**2014**	**Q4/2015**	**Q1/2017**
Củ Chi +TB1 + TB2	**37.000**		
TB3		**15.000**	
TB4			**8.000**
Tổng công suất (tấn)	**37.000**	**52.000**	**60.000**

Vốn đầu tư (tỷ VNĐ)	**2014**	**2015**	**2016**	**2017**
TB3	**113**	**616**		
TB4			**274**	
Sợi/Dệt/Nhuộm	***Đang nghiên cứu tính khả thi***			

Tiến độ dự án Trảng Bàng – Giai đoạn 4:

Tính đến ngày 31/12/2015, Công ty đã kí hợp đồng mua máy móc thiết bị với tổng trị giá là 10,9 triệu USD chiếm 91.36% ngân sách (12 triệu USD). Tiến độ lắp máy: Quý 1 ~ Quý 2/2016

DTY	FDY
4.000	4.000
tấn/năm	tấn/năm

POY
6.000
tấn/năm

TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2015

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Năm	Tồn đầu năm	Trích lập	Chi sử dụng	Tồn cuối năm
2010	186.284.408	4.700.686.009	4.013.463.946	873.506.471
2011	873.506.471	4.949.560.426	(1.644.902.207)	7.467.969.104
2012	7.467.969.104	4.800.000.000	4.490.362.674	7.777.606.430
2013	7.777.606.430	4.380.000.000	9.488.936.508	2.668.669.922

Ghi chú: Hàng năm công ty chi trả khen thưởng cho CBCNV ở mức tương đương mức 6% lợi nhuận sau thuế. Kể từ năm 2014, sau khi HĐQT ban hành quy chế tài chính, Công ty đã trích quỹ thưởng và hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm nên sẽ không trích quỹ này từ lợi nhuận sau thuế nữa.

Phân phối lợi nhuận

Chỉ tiêu	Tỉ lệ trích lập 2015	Số tiền VNĐ
Lợi nhuận sau thuế của chủ sở hữu		71.320.629.019
Chia cổ tức 2015	5% tiền mặt 10% cổ phiếu	23.267.917.500 46.535.835.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.516.876.519

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

I. Cơ cấu cổ đông: 395 người (tính đến 26/02/2016)

1. **Số lượng cổ phiếu niêm yết: 46.535.835 cổ phiếu**
2. **Cơ cấu cổ đông:**

	Loại hình cổ đông	Số lượng CPSH	Số lượng CP có thể giao dịch	Tỉ lệ%
I.	**Cổ đông đặc biệt**	**14.542.203**	**14.542.203**	**31,25%**
1.	HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	14.407.712	14.407.712	30,96%
2.	Ban Kiểm soát	103.004	103.004	0,22%
3.	Kế toán trưởng	31.487	31.487	0,07%
4.	Người được ủy quyền CBTT			0,00%
II.	**Cổ phiếu quỹ**			**0,00%**
III.	**Cổ đông khác**	**31.993.632**	**31.993.632**	**68,75%**
1.	Trong nước	24.648.061	24.648.061	52,97%
	1.1 Cá nhân	13.982.107	13.982.107	30,05%
	1.2 Tổ chức	10.665.954	10.665.954	22,92%
	- Trong đó Nhà nước			0,00%
2.	Nước ngoài	7.345.571	7.345.571	15,78%
	2.1 Cá nhân	89.805	89.805	0,19%
	2.2 Tổ chức	7.255.766	7.255.766	15,59%
Tổng cộng		**46.535.835**	**46.535.835**	**100,00%**

3. **Danh sách cổ đông lớn (tính đến 26/02/2016)**

Tên cổ đông	Loại hình sở hữu	Quốc tịch	Cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư Hướng Việt	Tổ chức	VN	9.381.534	20,16
Đặng Triệu Hòa	Cá nhân	VN	6.469.560	13,09
Đặng Mỹ Linh	Cá nhân	VN	3.969.076	8,53
Đặng Hướng Cường	Cá nhân	VN	3.969.076	8,53
VietNam Holding Limited	Tổ chức	Cayman Islands	3.545.655	7,62
Tổng cộng			**27.334.901**	**58,74**

4. Kết quả phát hành cổ phiếu: **4.230.499** cổ phiếu. Ngày GDKHQ: 3/11/2015. Ngày NYSB: 9/12/2015. Tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành: **46.535.835** cổ phiếu

5. Giao dịch cổ phiếu quỹ: **419.234** cổ phiếu bán ưu đãi cho CB-CNV với giá 15.000 VNĐ/ cổ phiếu từ ngày 01/04/2015 đến 14/04/2015

I. Giao dịch cổ đông nội bộ, NCLQ, Cổ đông lớn:

1. **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn trong năm 2015**

				Cổ phiếu trước khi giao dịch	Cổ phiếu sau khi giao dịch	Lý do tăng giảm
1	**SSIAM**	04/02/2014	Cổ đông lớn	300.000	2.700.000	Đầu tư
2	**Vietnam Holding Limited**	06/02/2014	Cổ đông lớn	696.750	3.396.750	Đầu tư
3	**SSIAM**	09/02/2015	Cổ đông lớn	2.700.000	0	Cơ cấu danh mục
4	**Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư Hướng Việt**	01/12/2015	Cổ đông lớn	7.928.668	8.038.668	Đầu tư
5	**Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư Hướng Việt**	17/12/2015	Cổ đông lớn	8.038.668	9.381.534	Đầu tư và nhận cổ tức bằng CP

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2015

			Cổ phiếu sở hữu đầu kỳ 01/01/2015	Cổ phiếu sở hữu cuối kỳ 31/12/2015	
1	**Lu Yen Kun**	Giám đốc sản xuất	0	55.000	Đầu tư
2	**Nguyễn Tự Lực**	Trưởng ban kiểm soát	22.656	47.661	Đầu tư
3	**Phan Như Bích**	Kế toán trưởng	8.625	31.487	Đầu tư

II. Quan hệ NĐT trong năm 2015

Số lượng NĐT cá nhân, công ty chứng khoán, tổ chức tài chính, quỹ đầu tư tài chính trong và ngoài nước đã được bộ phận Quan hệ NĐT (IR) đón tiếp: trên **260** người (tính đến 31/12/2015)

Số lần tiếp đón NĐT

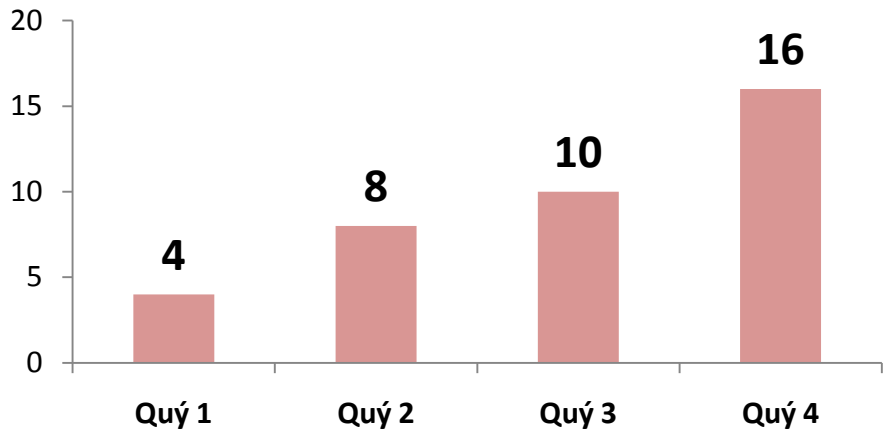

Các sự kiện tham dự:

- **Vietnam Access Day** (27/3) do chứng khoán Bản Việt tổ chức

- **Invest Asian** (25/5/2015) do chứng khoán KimEng Maybank tổ chức

- **Textile Forum Submit** (25/6/2015) do VCOSA tổ chức

Số lần CBTT trong năm 2015 (tính đến 31/12/2015): **42** lần. Số lần vi phạm, nhắc nhở: **0** lần

Số bản tin IRđã viết (tính đến 31/12/2015): **4** kỳ

Diễn biến giá CP STK từ ngày niêm yết 30/09/2015 đến 26/02/2016

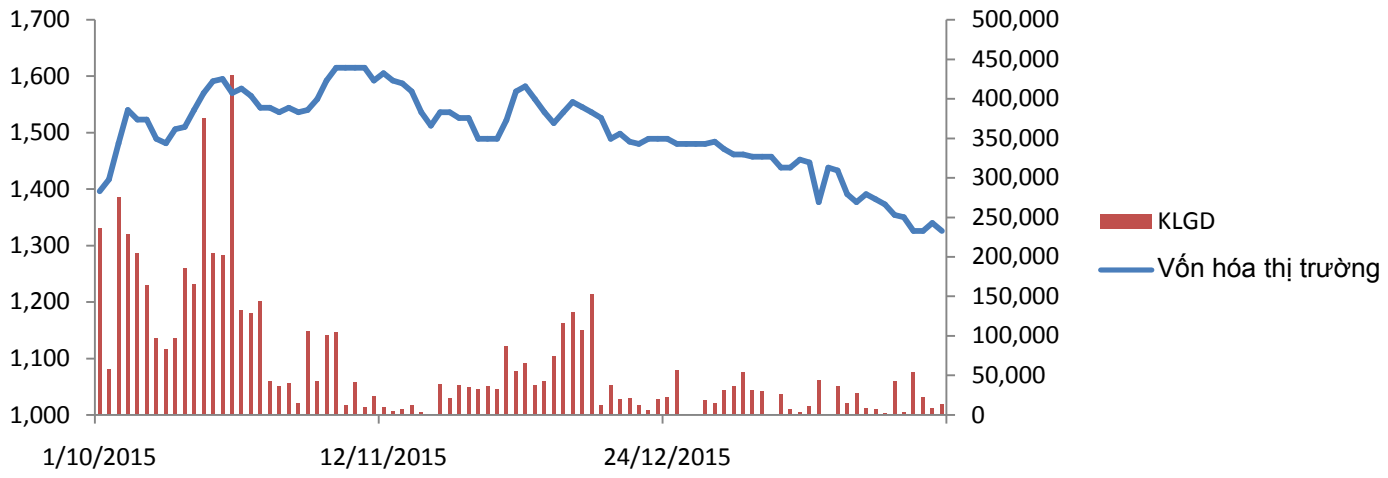

LỊCH SỬ CHI TRẢ CỔ TỨC

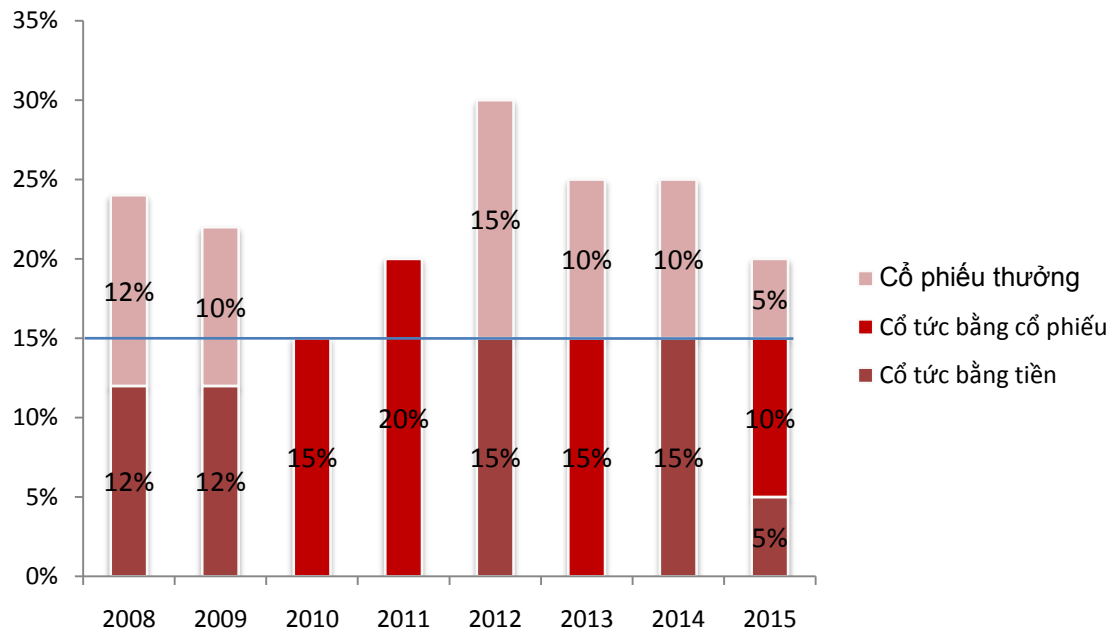

<u>Ghi chú</u>: mức cổ tức chi trả được lấy từ nguồn lợi nhuận của năm tài chính trước đó (mức cổ tức năm 2015 được lấy từ nguồn lợi nhuận của năm tài chính 2014).

KẾ HOẠCH HĐKD NĂM 2016

1. Kế hoạch thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2016

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2015	MỤC TIÊU NĂM 2016	TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG 2016/2015 (%)
1. Tổng sản lượng sợi DTY, FDY tiêu thụ (Kg)	26.885	51.526	92%
2. Doanh thu thuần về bán hàng(tỷ VNĐ)	1.035	1.860	80%
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(tỷ VNĐ)	86,6	144	66%
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp (tỷ VNĐ)	15,3	13,1	(13%)
5. Lợi nhuận sau thuế TNDN(tỷ VNĐ)	71,3	130,9	82%

2. Cơ sở lập kế hoạch kinh doanh năm 2016

Về cơ cấu sản phẩm:

- DTY (88%)
- Sợi DTY có tính năng đặc biệt (4%)
- FDY (7%)

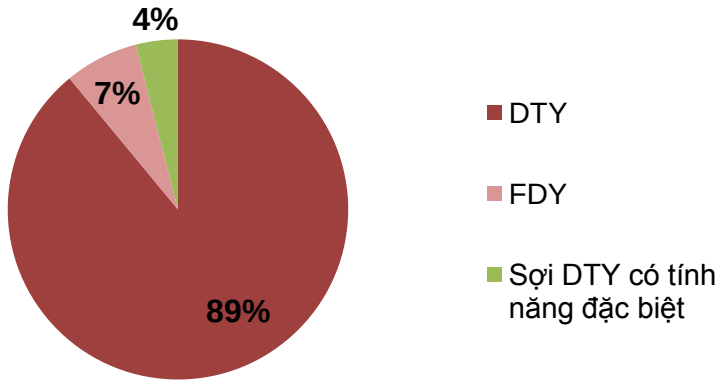

Về chỉ tiêu doanh thu thuần:

- Công ty kỳ vọng, cán cân cung - cầu sẽ phục hồi trong năm 2016, bởi giá sợi đang có xu hướng phục hồi, các công ty Trung Quốc sau một thời gian bán phá giá mạnh và lỗ nặng đang cắt giảm sản lượng. Ngoài ra, từ ngày 1/1/2016, thuế suất nhập khẩu đối với mặt hàng sợi POY, DTY và FDY sẽ tăng từ 0% lên 3%. Việc tăng thuế sẽ hạn chế bớt hành vi bán phá giá của Trung Quốc tại Việt Nam.
- Trong trung và dài hạn, xu hướng dịch chuyển các đơn hàng may mặc ở tất cả các thị trường lớn vào Việt Nam ngày càng trở nên rõ ràng. Khi đơn hàng may mặc tăng lên, nhu cầu vải và tiếp đến là sợi sẽ tăng lên, nhất là khi các hiệp định thương mại Việt Nam - EU và TPP có hiệu lực.Làn sóng đầu tư của các công ty dệt may của nước ngoài tại Việt nam để đón đầu các cơ hội đến từ các hiệp định Thương mại này ngày càng tăng.
- Không nằm ngoài xu thế đó, nhà máy Trảng Bàng – Giai đoạn 3 của công ty đã chính thức đi vào hoạt động 100% công suất nâng tổng công suất toàn công ty lên 52.000 tấn/ năm. Ngoài ra, Công ty cũng hợp tác kinh doanh sản xuất sản phẩm mới có tính năng đặc biệt như sợi tái chế, sợi nhuộm; triển khai và đưa nhà máy Trảng Bàng 4 đi vào hoạt động vào quý IV/2016. Từ đó, Công ty đặt kế hoạch tăng trưởng doanh thu 80% so với năm 2015.

Về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế:

- Giá bán bình quân dự kiến giảm 7,54% trong khi giá nhập chip dự kiến chỉ giảm 12% so với năm 2015. Do đó price gap dự kiến giảm 2.2%
- Một số chi phí sản xuất dự kiến sẽ tăng so với 2015: điện (3%), tiền lương (10%)
- Dự báo VNĐ sẽ mất giá khoảng 4% so với USD trong năm 2016
- Lãi suất vay USD dự kiến tăng lên khoảng 1% cho khoản vay dự án TB3 và TB4 do lãi suất LIBOR sẽ tăng (dự báo dựa trên FED tăng lãi suất cơ bản 0.25 điểm vào mỗi quý 2016)
- Giả định về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016 sẽ là 9,12% do các dự án mở rộng của nhà máy Trảng Bàng được hưởng thuế suất ưu đãi.

3. Kế hoạch các phòng ban năm 2016

BÁN HÀNG

- **Thị trường**: tái cơ cấu lại danh mục khách hàng và thị trường, theođó đẩy mạnh khai thác thị trường có yêu cầu về sợi chất lượng cao như Thái Lan; hoặc thị trường có ưu đãi về thuế quan theo các FTA với Việt Nam nhưthị trường Hàn Quốc (thuế suất nhập khẩu sợi giảm từ 8% xuống 0%); cũng như thị trường trong nước nhằm đón đầu làn sóng dịch chuyển của các doanh nghiệp FDI từ Trung Quốc sang Việt nam để đón nhận lợi ích từ các hiệp định thương mại của Việt nam - EU (EVFTA), Việt nam – Hàn Quốc (KVFTA) hay đặc biệt là TPP.

- **Sản phẩm**: Đối với sản phẩm hiện hữu, STK sẽ nâng cao chất lượng (theo tiêu chuẩn AAA) nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh của Công ty so với đối thủ và mang lại giá trị lợi ích cao cho Công ty. Bên cạnh đó,Công ty sẽ da dạng hóa các sản phẩm với công nghệ thiết bị tối tân mà công ty đã đầu tư và trang bị theo xu thế thị trường với các dự án như: sợi tái chế, sợi màu, sợi đặc chủng (với các chức năng đặc biệt như: chống tia cực tím, sợi hút ẩm nhanh khô, sợi co giãn cao, sợi bảo ôn giữ ấm).

- **Thu thập cơ sở dữ liệu khách hàng**: tiếp tục bám sát các khách hàng hiện hữu, theo sát các kế hoạch, tiến độ đầu tư mở rộng để tăng năng suất ở phía khách hàng và các kế hoạch phát triển sản phẩm mới của khách hàng. Thu thập thông tin các khách hàng mới đang có kế hoạch xây nhà máy mới ở Việt nam.

KẾ HOẠCH SẢN TIÊU

- Nâng cao thêm chất lượng sản phẩm thông qua cải tiến và thay đổi quy trình sản xuấttheo hướng đảm bảo tính đồng nhất của nguyên liệu đầu vào và sự ổn định của từng máy móc thiết bị, hướng đến chất lượng sản phẩm được nâng cấp lên chuẩn mới AAA thay vì AA.

- Ứng dụng và phát triển các công cụ hổ trợ (phần mềm) để thiết lập và giả định các scenario (kịch bản) cho kế hoạch sản xuất và tiêu thụ nhằm tối ưu hóa hiệu quả về giá thành cũng như thời gian giao hàng.

- Phối hợp với các đơn vị thu mua và sản xuất để từng bước chuyển đổi một số mặt hàng nhập khẩu sang mua trong nước để giảm thiểu chi phí nhập khẩu.

- Tiếp tục kiểm soát ở mức an toàn đối với nguyên vật liệu cho sản xuất với số lượng tối thiểu.

THU MUA

- Tiếp tục duy trì lập kế hoạch mua hàng theo dự báo nhu cầu hằng quý và tìm kiếm sản phẩm thay thế và nhà cung cấpmới.

- Kết hợp với nhà máy đi đánh giá nhà cung ứng trực tiếp tại cơ sở sản xuất để nắm được năng lực thực tế từng nhà cung ứng của từng mặt hàng để tối ưu chất lượng sản phẩm.

- Kết hợp nhà máy và kho trong việc mua, nhập – xuất hàng đảm bảo mua hàng đúng tiến độ đặc biệt là không có hàng tồn kho lâu ngày không sử dụng.

- Rà soát lại các tiêu chí nghiệm thunguyên vật liệu chínhnhằm đảm bảo sản phẩm được mua phù hợp với nhu cầu sử dụng của thị trường.

IT

- Triển khai toàn diện hệ thống cáp quang cho toàn Công ty.
- Triển khai mở rộng dự án hệ thống điều khiển trung tâm POC và chính thức ứng dụng POC vào quy trình sản xuất vào tháng 03/2016.
- Đánh giá lại hệ thống SAP nhằm lường trước các rủi ro và tối ưu hóa hệ thống SAP ERP.
- Thành lập đội nghiệp vụ hỗ trợ người dùng SAP dựa trên chức năng từng module.
- Ứng dụng các quy trình của ISO 27001 vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

- Cân đối nguồn, trả nợ gốc trước hạn theo lịch trả nợ để tiết kiệm lãi suất và đảo nợ dự án Trảng Bàng 3 sang ngân hàng khác để tiết kiệm lãi suất đi vay.

- Chuẩn bị dòng tiền từ nguồn khấu hao các dự án cũ để tái đầu tư vào dự án Trảng Bàng 4 của công ty.

- Hạch toán khoản ưu đãi thuế cho: Trảng Bàng 1, 2 năm 2015 & 2016: giảm 50% và TB 3, 4 được miễn thuế năm 2016;

NHÂN SỰ

- Lên kế hoạch đào tạo cụ thể cho năm 2016 cho cả khối văn phòng và sản xuất.

- Liên tục cập nhật, đào tạo và đánh giá lại kĩ năng của nhân viên thuộc khối sản xuất và văn phòng

- Đào tạo thêm để nâng cao tay nghề, các lớp về sản xuất tinh gọn (lean production), sản xuất theo mô hình quản lý hiện đại Kaizen.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

1. Thông tin về ban quản trị công ty

Danh sách và tỷ lệ sở hữu cổ phiếu STK của HĐQT, BKS, Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức danh	Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	**Thành viên HĐQT**			
1	Đặng Triệu Hòa	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	6.469.560	13,09
2	Đặng Mỹ Linh	Thành viên HĐQT	3.969.076	8,53
3	Đặng Hướng Cường	Thành viên HĐQT	3.969.076	8,53
4	Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT	0	0
5	Lee Chien Kuan	Thành viên HĐQT	0	0
6	Thái Tuấn Chí	Thành viên HĐQT	0	0
II	**Thành viên Ban kiểm soát**			
1	Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS	47.661	0,1
2	Lê Anh Tuấn	Thành viên BKS	55.343	0,12
3	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Thành viên BKS	0	0
III	**Ban điều hành**			
1	Lu Yen Kun	Giám đốc SX-CN	55.000	0,12
2	Nguyễn Phương Chi	Giám đốc PTCL	0	0
3	Phan Như Bích	Phó GĐTC	31.487	0,06
4	Bùi Tường Hiển	Phó GĐTQL	0	0

2. Hoạt động của HĐQT:

- Đánh giá hoạt động của HĐQT:

- Tuân thủ pháp luật và điều lệ công ty. Thực hiện đúng chức năng, phát triển chiến lược, định hướng kinh doanh, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban điều hành.
- Cơ cấu của HĐQT đảm bảo tuân thủ qui định của Thông tư 121 khi có 3/6 thành viên HĐQT độc lập.
- Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu trữ theo đúng quy định.

o Các cuộc họp của HĐQT

- Năm 2015, HĐQT đã tiến hành 04 cuộc họp trực tiếp và 17 cuộc họp thông qua hình thức gửi thư xin ý kiến để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT. Ban hành 30 Biên bản và 29 Nghị quyết. Biên bản và Nghị quyết HĐQT được gửi đầy đủ cho các thành viên HĐQT, BKS. Các cuộc họp của HĐQT đều có mời Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc tham gia dự họp để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các chiến lược, định hướng kinh doanh, chỉ đạo của HĐQT đối với Ban Điều hành.
- Tỷ lệ tham dự họp của các TVHĐQT (Nhiệm kỳ 2012 – 2017) đến ngày 31/12/2015

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Đặng Triệu Hòa	Chủ tịch HĐQT	21/21	100%	
2	Đặng Mỹ Linh	Thành viên HĐQT	21/21	100%	
2	Đặng Hướng Cường	Thành viên HĐQT	21/21	100%	
4	Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT độc lập	18/21	86%	Bắt đầu nhiệm kỳ từ ngày 12/01/2015 Ủy quyền người khác tham dự.
5	Lee Chien Kuan	Thành viên HĐQT độc lập	21/21	100%	
6	Thái Tuấn Chí	Thành viên HĐQT độc lập	19/21	90%	Lý do: Bận công tác

Ghi chú: Bà Cao Thị Quế Anh chính thức là thành viên HĐQT từ ngày 12/01/2015 thay cho Ông Jean Eric Jacquemin đã từ nhiệm ngày 26/12/2014.

- Chi tiết về nội dung và kết quả cuộc họp

Phiên họp	Nội dung nghị quyết
Quý 1/ 2015 Ngày 12 tháng 01 năm 2015 Ngày 15 tháng 01 năm 2015 Ngày 03 tháng 03 năm 2015 Ngày 07 tháng 03 năm 2015 Ngày 12 tháng 03 năm 2015	Thông qua việc bán cổ phiếu quỹ; Thông qua việc bổ nhiệm Bà Cao Thị Quế Anh làm thành viên HĐQT; Thông qua Quyết định thành lập pháp nhân công ty sợi/ dệt/ nhuộm; Thông qua tình hình hoạt động 2014 và kế hoạch kinh doanh 2015; Thông qua cơ chế thu nhập của Cán bộ quản lý và chi phí nhân sự năm 2015; Thông qua đề nghị vay 3,5 triệu USD tại Ngân hàng Đông Á để tài trợ dự án Unitex; Thông qua việc đề nghị Ngân hàng Đông Á cấp hạn mức tín dụng 150 tỷ VNĐ và 8 triệu USD; Thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ điều chỉnh; Thông qua việc niêm yết cổ phiếu trên HOSE; Thông qua kế hoạch tổ chức và tài liệu họp ĐHĐCĐ 2015; Thông qua kế hoạch đầu tư dự án sản xuất sợi tại CN Trảng Bàng-Giai đoạn 4; Thông qua việc thành lập văn phòng đại diện Công ty Sợi Thế Kỷ; Thông qua việc Thế chấp các tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Eximbank – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.
Quý 2/2015 Ngày 10 tháng 04 năm 2015 Ngày 21 tháng 04 năm 2015 Ngày 04 tháng 05 năm 2015 Ngày 02 tháng 06 năm 2015 Ngày 08 tháng 06 năm 2015 Ngày 10 tháng 06 năm 2015	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông và ngày chi trả cổ tức năm 2014 bằng tiền; Thông qua kết quả hoạt động Quý 1/2015; Thông qua Đề nghị VietinBank cấp hạn mức tín dụng 100 tỷ VNĐ; Thông qua việc đề nghị Vietcombank cấp hạn mức tín dụng 50 tỷ VNĐ; Thông qua Quy chế quản trị Công ty; Thông qua Quy trình công bố thông tin của Công ty; Thông qua lựa chọn Ernst & Young làm đơn vị kiểm toán năm 2015.
Quý 3/2015 Ngày 01 tháng 07 năm 2015 Ngày 18 tháng 07 năm 2015 Ngày 28 tháng 07 năm 2015 Ngày 15 tháng 09 năm 2015	Thông qua việc đề nghị Eximbank cấp hạn mức tín dụng 250 tỷ cho Công ty; Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để đăng ký lưu ký tập trung cổ phiếu; Thông qua kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2015; Thông qua Thông báo niêm yết cổ phiếu trên HOSE.

Quý 4/2015 Ngày 19 tháng 10 năm 2015 Ngày 28 tháng 10 năm 2015 Ngày 29 tháng 10 năm 2015 Ngày 11 tháng 11 năm 2015 Ngày 25 tháng 11 năm 2015 Ngày 27 tháng 11 năm 2015	Thông qua ngày chốt danh sách phát hành cổ phiếu thưởng 10%; Thông qua kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2015 và ước kết quả KD Quý 4/2015; Thông qua đề nghị cấp hạn mức tín dụng 120 tỷ để tăng vốn lưu động tại Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh; Thông qua kết quả phát hành 4.230.499 cổ phiếu thưởng và thay đổi vốn điều lệ trên điều lệ công ty; Thông qua đề nghị cấp hạn mức tín dụng 150 tỷ để tăng vốn lưu động tại Ngân hàng Vietin bank – Chi nhánh TP.HCM; Thông qua đề nghị tăng hạn mức tín dụng lên 17.000.000 USD tại ngân hàng Chinatrust – CTBC Chi nhánh TPHCM.

- Tình hình triển khai các nghị quyết ĐHĐCĐ 2014:
  - Các nội dung đang thực hiện: các dự án sắp triển khai (Công ty Sợi/dệt/nhuộm, Dự án mở rộng TB – GDD4) đang được triển khai và thực hiện theo đúng lộ trình đã đề ra trong giai đoạn 2016 – 2017.
- Tình hình triển khai các nghị quyết HĐQT 2015: Về cơ bản, Công ty đã thực hiện triển khai đầy đủ các nghị quyết của HĐQT trong năm 2015.
- Hoạt động của TVHĐQT không điều hành: không có.
- Chứng chỉ về đào tạo quản trị công ty:

Có 4/6 thành viên HĐQT, 3/3 thành viên Ban Kiểm soát đã được cấp chứng chỉ về quản trị Công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước công nhận.Công ty luôn tạo điều kiện để tất cả các thành viên HĐQT, BKS, Ban TGĐ tham gia các khoá đào tạo về quản trị Công ty.Tuy nhiên, do thời gian các khóa đào tạo thường trùng với lịch công tác của Ban Quản trị nên các thành viên không tham gia khóa học được. Bên cạnh đó, STK có 01 thành viên HĐQT là người nước ngoài, do khóa học không hỗ trợ ngôn ngữ thứ hai cho nên cũng ảnh hưởng đến việc hoàn thành chứng chỉ Quản trị Công ty theo quy định.

Danh sách thành viên HĐQT, BKS đã được đào tạo về quản trị Công ty:

1. Đặng Triệu Hòa – Chủ tịch HĐQT
2. Đặng Mỹ Linh – Thành viên HĐQT
3. Đặng Hướng Cường – Thành viên HĐQT
4. Cao Thị Quế Anh - Thành viên HĐQT
5. Nguyễn Tự Lực – Trưởng BKS
6. Lê Anh Tuấn – Thành viên BKS
7. Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thành viên BKS

3. Thực hiện qui định về quản trị công ty:

- Hầu hết các quy định, quy chế và hoạt động của Công ty đều tuân thủ theo các quy định về quản trị Công ty của pháp luật. Trong năm 2015, STK đã cập nhật Bản cáo bạch của Công ty, ban hành quy trình Công bố thông tin, Quy chế quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Cập nhật sửa đổi tăng vốn điều lệ của Điều lệ Công ty theo GPKD được Sở KHĐT cấp lần thứ 14 ngày 23/11/2015.
- Điều lệ Công ty, Quy trình Công bố thông tin, Quy chế quản trị Công ty đều được đăng tải trên website Công ty, mục Quan hệ Cổ đông.

4. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban TGĐ

1. BTGĐ đã triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng tinh thần Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") và HĐQT. Do Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty nên quá trình thực hiện các nhiệm vụ được diễn ra nhanh chóng, suôn sẻ và theo đúng định hướng kinh doanh của Công ty.
2. Nhu cầu thị trường trong 06 tháng cuối năm 2015 bị sụt giảm so với 06 tháng đầu năm cũng như cùng kỳ năm trước, chỉ đạt 60- 70% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong năm, Ban TGĐ cũng đã cố gắng vượt qua nhiều thách thức khó khăn trong điều hành quản trị và sản xuất, nhất là khi dự án Trảng Bàng – Giai đoạn 3 chính thức đi vào hoạt động. Tuy nhiên, do quy mô phát triển của Công ty ngày càng lớn, HĐQT đề nghị Ban TGĐ Công ty, trong thời gian tới, ngoài công tác thị truờng, cần tập trung hoàn thiện công tác quản trị nội bộ.
3. Kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2015 không đạt theo kế hoạch ngân sách đã đề ra. Trong năm 2016, HĐQT đề nghị Ban Tổng Giám đốc cần phải đưa ra chiến lược cụ thể cho hoạt động kinh doanh, Phương án cải thiện chất lượng sản phẩm nhằm giảm giá thành và tăng khả năng cạnh tranh của công ty.
4. Ban TGĐ hiện có 3 thành viên gồm Tổng Giám đốc, Giám đốc Phát triển Chiến lược phụ trách mảng quan hệ nhà đầu tư và chiến lược, Giám đốc Sản xuất và Công nghệ phụ trách khối sản xuất và phát triển nghiên cứu Công nghệ. Để phát huy năng lực và chia sẻ trách nhiệm công việc chung, trong thời gian tới, HĐQT đề nghị Ban Tổng Giám đốc đề cao sự chủ động triển khai, xử lý các công việc mà mỗi Giám đốc phụ trách và sự chủ động phối hợp qua lại giữa các cấp quản lý với nhau nhiều hơn. Trong năm 2015, các Phó TGĐ cần tập trung hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quy trình hoạt động trong các đơn vị mà mình phụ trách.

5. Vấn đề nhân sự kế thừa vị trí điều hành cấp cao và các cấp quản lý khác đang là mối quan tâm của cổ đông, nhà đầu tư, đối tác. Vì vậy, tùy theo thẩm quyền, Ban Tổng Giám đốc cần chủ động thực hiện hoặc trình HĐQT phê duyệt các chương trình bồi dưỡng, đào tạo, quy hoạch đội ngũ nhân sự kế thừa, đồng thời mở rộng nguồn thu hút chất xám, để đảm bảo sự phát triển bền vững và đáp ứng quy mô phát triển mới của Công ty.

5. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

- Tiếp tục giám sát và chỉ đạo hoạt động của TGĐ và Ban Điều Hành nhằm thực hiện các kế hoạch kinh doanh trong năm 2015.
- Song hành với TGĐ và Ban Điều Hành trong việc xác định các cơ hội mở rộng kinh doanh và hoạch định chiến lược kinh doanh bền vững cho STK.
- Nâng cao công tác kiểm soát nội bộ và quản trị doanh nghiệp. Triển khai công tác kiểm toán nội bộ.
- Hoạch định chiến lược và chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân sự
- Thành lập các tiểu ban (chính sách phát triển, quản lý rủi ro, nhân sự, lương thưởng)

6. Kế hoạch huy động vốn tài trợ cho dự án Sợi/Dệt/ Nhuộm Unitex

- Trong năm 2016, Công ty sẽ triển khai hợp tác với đối tác nước ngoài để tiến hành dự án Sợi/Dệt/ Nhuộm Unitex tại Khu công nghiệp Thành Thành Công. Hồ sơ thuê đất cũng như tư cách pháp nhân của Công ty liên doanh Unitex đã được thành lập ngày 29/06/2015.
- Vì vậy, khi có kế hoạch triển khai cụ thể HĐQT sẽ xin ý kiến đại hội đồng cổ đông bằng văn bản về kế hoạch phát hành cổ phiếu để huy động vốn hỗ trợ cho các dự án sắp tới của Công ty.

7. Lịch làm việc của HĐQT năm 2016:

1. Họp định kỳ Quý 4/2015: tuần giữa tháng 01/2016
2. Họp về cácnội dung tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2016: đầu tháng 03/2016 (sau khi có Báo cáo tài chính đã kiểm toán)
3. Họp định kỳ Quý 1/2016: tuần cuối cùng của tháng 4
4. Họp định kỳ Quý 2/2016: tuần cuối cùng của tháng 7
5. Họp định kỳ Quý 3/2016: tuần cuối cùng của tháng 10

Lịch họp trên có thể thay đổi theo triệu tập của Chủ tịch HĐQT, tuy nhiên vẫn tạo điều kiện để các thành viên tham dự đầy đủ nhất. Ngoài ra, để hoạt động của Công ty được liên tục, thông suốt, HĐQT có thể họp gián tiếp (đột xuất) thông qua hình thức xin ý kiến qua email đối với những nội dung thuộc thẩm quyền.

8. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS:

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao và tiền thưởng đã chi (đồng)
I	**Thành viên HĐQT**		
1	Đặng Triệu Hòa	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	90.000.000
2	Đặng Mỹ Linh	Thành viên HĐQT	90.000.000
3	Đặng Hướng Cường	Thành viên HĐQT	90.000.000
4	Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT	90.000.000
5	Lee Chien Kuan	Thành viên HĐQT	90.000.000
6	Thái Tuấn Chí	Thành viên HĐQT	90.000.000
II	**Thành viên Ban kiểm soát**		
1	Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS	32.000.000
2	Lê Anh Tuấn	Thành viên BKS	32.000.000
3	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Thành viên BKS	32.000.000
	TỔNG CỘNG		**636.000.000**

Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc

Tổng thu nhập từ lương (kể cả thưởng) trước thuế & BHXH trong năm 2015 của Tổng Giám đốc là 1.481.440.734 đồng

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thông qua các quyết định quan trọng liên quan đến hoạt động của STK và chỉ đạo Tổng Giám Đốc triển khai, thực hiện việc tổ chức họp ĐHĐCĐ, phát hành cổ phiếu, chào bán cổ phiếu ra công chúng.

- HĐQT đã chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám Đốc trong việc triển khai, thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT theo đúng quy định.

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ TRONG NĂM

Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Ngày 26/03/2015, ĐHĐCĐ đã có nghị quyết số 02-2015/NQ-ĐHĐCĐ/TK thông qua việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

- Tổng số cổ phần: 42.305.336
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 4.230.533
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: 10.000 VNĐ/ cổ phần
- Tỷ lệ thực hiện: 10%

HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu kết thúc vào ngày 05/11/2015 như sau:

- Tổng số cổ phiếu trước khi phát hành: 42.305.336
- Số cổ phiếu đã phân phối: 4.230.499
- Số cổ đông được phân phối: 348

Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) do làm tròn xuống được hủy bỏ.

- Tổng số cổ phiếu tại ngày 05/11/2015 là 46.535.835 cổ phiếu.

Vốn điều lệ công ty sau khi phát hành là 465.358.350.000 VNĐ.

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

1. Ngăn ngừa xung đột lợi ích

Các Thành Viên HĐQT, Thành Viên BKS, Tổng Giám Đốc Điều Hành và cán bộ quản lý khác ("Người Quản Lý") của Công ty tuân thủ các qui định tại Điều 33 của Điều lệ Công ty về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi. Cụ thể như sau:

1. Người Quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Người Quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho Người Quản lý và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều Người Quản lý khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều Người Quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQThoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQThoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Người Quản lý đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQThay các cổ đông cho phép thực hiện.

2. Giao dịch trọng yếu của STK với các bên liên quan trong năm bao gồm

Bên Liên Quan	***Mối quan hệ***	***Nội dung nghiệp vụ***	***VNĐ giá trị***
Công ty CP Unitex	*Bên liên quan*	*Góp vốn*	*39.992.000.000*
Công ty TNHH P.A.N Châu Á	*Bên liên quan*	*Bán hàng*	*3.342.738.426*
Công ty Cổ phần Thương Mại Liên An	*Bên liên quan*	*Bán hàng*	*13.463.070.903*

Ghi chú: HĐQT đã có nghị quyết thông qua các giao dịch với các bên có liên quan nói trên